



Ảnh: Phùng Anh Tuấn
Trước giờ thờ hoa đăng dâng cầu cho chúng sinh an lành

PHẬT GIÁO VỚI TRÁCH NHIỆM DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VÀ HIỆN NAY

● TS. HOÀNG THỊ THƠ
Viện Triết học

Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn trên thế giới sớm du nhập vào Việt Nam rồi trở thành một trong những tôn giáo truyền thống, tôn giáo dân tộc, và tới đỉnh cao là trở thành quốc giáo của Việt Nam trong thời kỳ Lý - Trần. Phật giáo đã cùng dân tộc Việt Nam trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, từ Lạc Việt, Đại Việt đến Việt Nam cận đại và hiện đại, với biết bao thăng trầm lịch sử, và hôm nay đang cùng dân tộc Việt Nam bước vào thiên niên kỷ XXI với nhiều cơ hội và thách thức.

Nhân dịp Hội thảo khoa học quốc tế về vấn đề “Trách nhiệm xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường” bài viết này sẽ không đi sâu vào nội dung giáo lý và triết lý của Phật giáo mà tập trung trao đổi một số ý về trách nhiệm của Phật giáo với tư cách một tôn giáo đối với dân tộc trong lịch sử và hiện nay từ góc độ lịch sử tư tưởng:

- Phật giáo với vấn đề dân tộc ở thời vua Asoka ở Ấn Độ.
- Phật giáo với dân tộc Việt Nam trong lịch sử.
- Trách nhiệm dân tộc của Phật giáo với tư cách một tôn giáo truyền thống của người Việt Nam hiện nay.

PHẬT GIÁO VỚI VẤN ĐỀ DÂN TỘC THỜI VUA ASOKA Ở ẤN ĐỘ

Từ xa xưa đến nay, Ấn Độ là một đất nước đa tôn giáo, đa sắc tộc, và đã có một thời Phật giáo phát huy thành công vai trò tôn giáo đối với dân tộc Ấn Độ, thậm chí có thể coi đó là thành công điển hình của trách nhiệm Phật giáo đối dân tộc Ấn Độ.

Phật giáo ra đời khoảng thế kỷ thứ VI - V (Trước Công nguyên), vào thời kỳ xã hội thị tộc với các tiểu vương quốc chưa thống nhất thành quốc gia Ấn Độ. Trước đó, Bà La Môn giáo là tôn giáo thần quyền có vị trí chính thống

đứng trên cả nhà nước và vương quyền nên chi phối toàn bộ đời sống xã hội và chính trị Ấn Độ cổ đại. Đến thế kỷ thứ VII-VI TCN, lực lượng sản xuất xã hội Ấn Độ phát triển và chuyển dần sang chế độ nông nô với các lãnh chúa mới nắm quyền lực kinh tế của những vùng đất rộng lớn thì những quy định về đẳng cấp của Bà-la-môn giáo trở thành rào cản đối với sự tiến bộ của các lực lượng sản xuất mới đang đòi hỏi sự tự do về tinh thần (tôn giáo) và bình đẳng về quyền lực chính trị kinh tế. Ở Ấn Độ bắt đầu xuất hiện các phong trào chống lại Bà-la-môn giáo, trong đó có Phật giáo - một phong trào tư tưởng canh tân, giải thiêng vị trí thần thánh của đẳng cấp Bà-la-môn - để xây dựng một mô hình xã hội - tôn giáo bình đẳng hơn cho các đẳng cấp khác trong xã hội Ấn Độ lúc đó.

Tư tưởng tiến bộ của Phật giáo đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của lực lượng xã hội mới lúc đó, mở ra một cục diện dân chủ hơn về quyền lực tôn giáo, chính trị (nhà nước) cho phép các đẳng cấp khác như vua chúa, võ sĩ, thương nhân chia sẻ quyền lực tôn giáo và chính trị. Có nghĩa, tôn giáo không còn là quyền lực thần thánh của riêng đẳng cấp Bà La Môn⁽¹⁾. Trải qua gần ba thế kỷ, Phật giáo phát triển và dần nổi lên như một tôn giáo của các đẳng cấp vua chúa, võ sĩ, thương gia,... vào thời Maurya. Dưới triều đại vua Asoka (thế kỷ thứ III TCN) Phật giáo đã trở thành quốc giáo, thay thế vị trí Bà-la-môn giáo lâu đời. Asoka đã sử dụng Phật giáo như một tôn giáo chính thống, một quốc giáo để thống nhất toàn Ấn Độ rộng lớn lúc đó thành một quốc gia. Sau khi đã dùng quân đội hùng mạnh chinh phục và thống nhất được hầu hết các lãnh chúa và chư hầu, vua Asoka chuyển sang dùng đạo pháp (*Dharma mavijaya*) thay cho bạo lực để chinh phục nhân tâm, đoàn kết các sắc tộc, các tôn giáo và ổn định một quốc gia Ấn Độ thống nhất. Nhà vua tự nhận mình là tín đồ Phật giáo, phong chức tước cho lãnh đạo cao nhất của tăng đoàn Phật giáo, phái các triều thần đi khắp nước để truyền bá đạo Phật, dựng nhiều bảo tháp, tịnh xá, đường xá, giếng nước, trường học, trạm chăm sóc sức khỏe người dân, và trên nhiều cột kinh ghi các đạo luật về đạo đức xã hội và gia đình,... nhằm khuyến khích thần dân một lối sống mới từ bi, mộ đạo trong hoà bình⁽²⁾. Cũng do vậy, Phật giáo đã thể hiện được trách nhiệm của một quốc giáo đối với dân tộc thông qua quan hệ của tăng đoàn và tín đồ với nhà nước và với xã hội trên hầu hết các phương diện quan trọng của đời sống xã hội.

Asoka đã tiếp thu khái niệm Đạo pháp của Phật giáo để làm phương châm lãnh đạo chính sự, lấy Phật giáo làm nòng cốt nhưng vẫn đồng thời khuyến khích các tôn giáo khác cùng phát triển. Những cột kinh còn lại đến ngày nay, còn ghi lời của nhà vua kêu gọi các giáo phái "*thôi tự khen tụng và chỉ trích các giáo phái khác mà cố tập trung trau dồi đạo đức tốt đẹp của dân tộc Ấn Độ như: lòng ngay thật, biết kiểm chế, lòng từ bi bác ái, sống thanh tịnh, hòa nhã, tôn trọng các bậc huynh trưởng và thầy dạy, rộng rãi với bạn bè, thân quyến, người quen, thậm chí với cả nô lệ... và ngăn cấm nghiêm minh các thái độ ganh đua, hiềm khích, gây chia rẽ...*"⁽³⁾ Vua Asoka đã khéo léo vận dụng thành công Đạo

pháp của Phật giáo để điều hành tốt một đất nước đa tôn giáo, đa sắc tộc⁽⁴⁾. Đạo pháp của Asoka về cơ bản tương tự với đức trị của nho gia Trung Quốc khi dùng đạo đức làm cơ sở pháp luật để trị quốc trong hòa bình, song điểm khác là đạo pháp của Asoka chú trọng khoan dung tôn giáo để giải quyết thực trạng tranh chấp giữa các tín ngưỡng, một trong những nguyên nhân cơ bản của những hiềm khích, xung đột hay chiến tranh giữa các cộng đồng tín ngưỡng và tôn giáo làm cản trở quá trình thống nhất Ấn Độ đang trong giai đoạn chuyển dần sang thời kỳ Phong kiến. Chủ trương Đạo pháp đã giúp Asoka giải quyết được mâu thuẫn giữa các tôn giáo và tạo được một môi trường đoàn kết xã hội, đoàn kết tôn giáo nhân danh dân tộc Ấn Độ thống nhất. Đó là một thành công trong chiến lược chính trị - tôn giáo của nhà vua, dùng ổn định tôn giáo để bình ổn xã hội, thống nhất nhà nước Ấn Độ đa tôn giáo, đa sắc tộc. Sau ông nhiều vị vua khác cũng kế thừa phương châm Đạo pháp - dân tộc. Về phía Phật giáo, có lẽ cũng do Asoka và các nhà vua đã áp dụng phương châm này mà Phật giáo được bảo trợ và phát triển rực rỡ trong một thời kỳ dài như là quốc giáo với những thành tựu rực rỡ về giáo dục, văn hoá, nghệ thuật... và chúng còn được lưu giữ mãi cho tới ngày nay như là niềm tự hào của dân tộc Ấn Độ.

Để có kết quả như vậy, có lẽ chủ yếu nhờ sự đổi mới trong quan hệ nhà nước và tôn giáo: đây là lần đầu tiên ở Ấn Độ, nhà nước, mà cao nhất là nhà vua can thiệp trực tiếp vào tổ chức tôn giáo, thống nhất tăng đoàn Phật giáo trong cả nước⁽⁵⁾, chọn lựa một tôn giáo (Phật giáo) làm quốc giáo và dùng tư tưởng của tôn giáo đó làm công cụ tinh thần để thống nhất quốc gia, để tổ chức và điều hành chính sự, cai quản các phương diện kinh tế, văn hóa (giáo dục, đạo đức), luật pháp,... của toàn xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo, với tư cách một tôn giáo, tuy có lập trường xuất thế (*không can dự chuyện thế gian như chính trị, kinh tế*) nhưng được nhà nước bảo trợ và tổ chức tăng đoàn một cách hệ thống chưa từng có để huy động nhân tài, vật lực toàn quốc gia. Về phần mình, trong thời kỳ này Phật giáo đã trở thành tinh thần chủ đạo của quốc gia, của dân tộc Ấn Độ và đã phát huy được trách nhiệm tôn giáo đối với dân tộc. Phật giáo không chỉ phát huy vai trò và trách nhiệm trong các lĩnh vực đạo đức, giáo dục, nghệ thuật, lối sống của Ấn Độ, mà còn trở thành động lực phát triển kinh tế, chính trị và ngoại giao một cách thịnh vượng không chỉ trong phạm vi đất nước Ấn Độ, mà còn lan tỏa và truyền bá ngoài Ấn Độ, tới nhiều nước khác. Cũng nhờ đó, Phật giáo từ một tôn giáo dân tộc trở thành một tôn giáo khu vực ở châu Á. Cũng theo đó, văn hóa và văn minh của dân tộc Ấn Độ được truyền bá, giới thiệu rộng rãi tới nhiều nước trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á, mà đến nay những dấu ấn đó còn lưu giữ ở nhiều nơi.

Cho đến khoảng thế kỷ thứ XII Phật giáo Ấn Độ bắt đầu có một số biểu hiện suy thoái, cộng thêm nhiều nguyên nhân khác, đến thế kỷ XI Phật giáo hầu như bị triệt hạ bởi Hồi giáo. Cũng lúc đó Bà-la-môn giáo, sau một thời kỳ phải nhường vị trí cho Phật giáo, đã khắc phục những hạn chế bằng cách tiếp thu những yếu tố tích cực của Phật giáo và

canh tân thành Ấn Độ giáo (Hinduism) hàm nghĩa là tôn giáo của người Ấn Độ chứ không còn là của riêng đẳng cấp Bà-la-môn thần thánh, và trở nên một tôn giáo rộng rãi, cởi mở hơn nên lại giành lại được vị thế chính thống đã mất trong nhiều thế kỷ. Phật giáo từ đó thất thế và không tiếp tục phát triển ở Ấn Độ, nhưng lại lan tỏa và rất thành công ở ngoài Ấn Độ, và trở thành quốc giáo của nhiều nước, có nơi trong một thời gian và nhiều nơi cho tới ngày nay.

Như vậy, quan hệ Phật giáo với dân tộc có thể khác nhau với các vị thế khác nhau: là tôn giáo của thiểu số hay của đa số như một tôn giáo truyền thống; là tôn giáo phi chính thống hay chính thống như một quốc giáo. Ta thấy Phật giáo tuy là một tôn giáo xuất thế nhưng trong lịch sử nó đã từng phát huy một cách điển hình trách nhiệm của một tôn giáo đối với dân tộc khi có vị trí là một tôn giáo chính thống thời kỳ Asoka. Ở Việt Nam, Phật giáo có lúc với tư cách một tôn giáo chính thống, có lúc là một tôn giáo trong tam giáo truyền thống của người Việt. Vậy Phật giáo có thể và đã phát huy trách nhiệm của nó đối với dân tộc Việt như thế nào?

PHẬT GIÁO VỚI DÂN TỘC VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ

Phật giáo du nhập một cách hoà bình vào Việt Nam rất sớm, nhiều sử liệu và dấu tích còn ghi lại về trung tâm Phật giáo Luy Lâu nổi tiếng ở châu thổ sông Hồng, đó còn là trung tâm chính trị, quân sự, thương mại của Lạc Việt. Tín ngưỡng Bụt (từ gốc Buddha) bổ sung thêm cho tín ngưỡng bản địa về từ bi bác ái, vị tha thành một tâm thức của người Việt cổ trong cuộc sống, đấu tranh xây dựng và bảo vệ dân tộc. Dân tộc Lạc Việt lúc đó đã có một nền văn minh nông nghiệp lúa nước nhưng tổ chức nhà nước và tôn giáo còn đơn giản, lại thêm luôn bị đe dọa xâm lược và đô hộ bởi các giặc ngoại xâm từ phương Bắc. Sự tiếp thu Phật giáo lúc đó không thể không góp phần chống lại sự xâm lược của thực dân phương Bắc, bảo vệ con người, văn hóa và dân tộc Lạc Việt. Phật giáo lúc đó hẳn đã góp phần phát huy vai trò hệ tư tưởng của người Việt chống lại Hán hóa. Tác phẩm *Lý Hoặc Luận* của Mậu Tử hay trước tác của Khương Tăng Hội cũng như nhiều sử liệu khác đều cho thấy Phật giáo Luy Lâu đã tác động không nhỏ đến các nhà tư tưởng của Lạc Việt, thậm chí cả những người đến từ Ấn Độ và Trung Quốc theo Phật giáo Luy Lâu cũng đề cao Phật giáo, truyền bá Phật giáo trong so sánh và phê phán Nho và Lão⁽⁶⁾. Như vậy, trong thời kỳ Bắc thuộc, Phật giáo tuy không phải là quốc giáo nhưng đã đóng vai trò tôn giáo dân tộc để tham gia bảo vệ văn hóa, chủ quyền của dân tộc Việt.

Từ 905, Lạc Việt bắt đầu kỷ nguyên Độc lập tự chủ thì Phật giáo ở đây cũng không ngừng phát triển. Các chư hầu không chỉ nhuần nhuyễn giáo lý nhà Phật mà còn trau dồi kiến thức Nho và Lão - Trang để hiểu hơn thời cuộc và sáng tỏ đường hướng của dân tộc Việt. Đến thời Đinh - Tiền Lê (968 - 1009) kiến thức uyên thâm và tầm nhận thức chiến lược dân tộc của các cao tăng đã được triều đình đánh giá cao và trọng dụng. Vua Đinh cũng như vua Lê đều có những

giáo trong cả nước như một tôn giáo chính thống, chùa lớn cũng được dựng ngay ở kinh đô. Triều đình đã trọng dụng và phong thưởng cho những nhà sư có công giúp vua lo việc triều chính, cả đối nội và đối ngoại⁽⁷⁾. Nhà vua còn cử các phái đoàn sang Trung Quốc thỉnh kinh Phật về cho in và truyền bá cho chúng dân. Phật giáo thời kỳ này bắt đầu phát huy được vai trò như một lực lượng tinh thần của dân tộc trong các đường lối chiến lược xây dựng và ổn định nhà nước độc lập sau một thời kỳ dài bị đô hộ.

Sang thời Lý - Trần, Phật giáo phát triển tới cực thịnh. Nhà nước và tăng đoàn có sự hợp tác và kết hợp vai trò chính trị và tôn giáo chặt chẽ. Các vua Lý và vua Trần đều sùng đạo, nhà vua cũng là học trò của các cao tăng nổi tiếng. Nhiều vị vua tự nhận là Phật tử và trọng dụng các cao tăng uyên bác làm cố vấn cho triều đình⁽⁸⁾, có thể coi đó là những triều đại Phật giáo điển hình của Việt Nam. Nhiều vị vua được tôn làm tổ của các phái Thiền nổi tiếng⁽⁹⁾, các thiền sư xuất chúng đều là những nhà cố vấn chiến lược cho triều đình, và nhờ đó tăng đoàn Phật giáo luôn hưởng sự bảo trợ trực tiếp của triều đình. Đóng góp của Phật giáo trong thời kỳ này không chỉ thông qua các hoạt động tín ngưỡng hay nghi lễ trong lĩnh vực tâm linh của triều đình và người dân, mà thể hiện trong mọi mặt của đời sống như văn học, nghệ thuật, giáo dục, ngoại giao và thậm chí cả quân sự... Ảnh hưởng của Phật giáo tới quan điểm sống của nhiều vị vua cũng như quan lại trong triều đại Lý - Trần có tác động rất lớn đến đường lối chính trị chuộng hòa bình của Đại Việt thời đó. Nói chung tinh thần bác ái, vị tha, khoan dung của Phật giáo có giá trị định hướng cho lựa chọn "vương đạo" hơn là "bá đạo"⁽¹⁰⁾ - tức là các lập trường chính trị - xã hội của nho giáo - trong những quyết sách quan trọng vì lợi ích của dân tộc. Nhiều vị quân vương sau khi ổn định xong đất nước đã theo tấm gương đức Phật tổ nhường lại ngai vàng cho hậu duệ, sống cuộc sống xuất thế của tu sĩ, song khi tổ quốc lâm nguy họ lại linh hoạt xuống núi nhập thế, cùng triều đình bàn định và giải quyết các vấn nạn của dân tộc, nhưng luôn trên tinh thần từ bi, bác ái, vị tha⁽¹¹⁾; xong việc họ lại nhẹ nhàng lên núi tu hành, buông xả hết danh vọng, quyền chức. Cuộc đời của họ trở thành những điển hình kết hợp đạo với đời rất thánh thiện của Phật giáo Việt Nam.

Về phía Phật giáo, trước hết tăng đoàn và các tín đồ Phật giáo là các công dân và cộng đồng công dân (Phật tử) gắn quyền lợi tăng đoàn với quyền lợi quốc gia, trung thành với dân tộc. Sự hợp tác giữa tăng đoàn và nhà nước theo hướng vì lợi ích chung của dân tộc đều nhằm củng cố vững chắc pháp luật của triều đình, tinh thần và đạo đức của dân tộc, tạo điều kiện sống lành mạnh, hạnh phúc cho cả tu sĩ và thường dân sống phù hợp với Phật pháp và vì sự phát triển bền vững của dân tộc. Lúc đó nhiều tu sĩ cũng là thi sĩ, sử gia, họa sĩ, kiến trúc sư, nhà luyện kim, nhà khai hoang... nhiều chùa chiền cũng là trường học, trạm chăm sóc sức khỏe, viện mồ côi và dưỡng lão, trường học... Vì vậy, Phật giáo tuy không tranh giành vị trí quyền lực chính trị và kinh tế với tư cách một lực lượng trong xã hội, nhưng một khi Phật giáo làm tốt trách nhiệm đối với dân tộc thì trên mọi phương diện phát triển của xã hội

TRUNG TÂM TÍN THƯ VIỆN

Kho 1090081

đều mang dấu ấn của Phật giáo.

Có thể nhận định, giá trị nổi trội nhất của Phật giáo là bác ái, khoan dung, đặc biệt là khoan dung tôn giáo thể hiện thành trách nhiệm đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo khi cần phải huy động sức người sức của cho tổ quốc lâm nguy. Trong lịch sử 2500 năm của Phật giáo nói chung, chưa một trang sử nào phải nhuộm máu lửa vì hận thù tôn giáo. Riêng thời kỳ Lý - Trần, cũng như các giai đoạn sau đó, lúc Phật giáo không còn là quốc giáo, và cả khi Nho giáo đã chiếm thế độc tôn thì Phật giáo vẫn tồn tại với tư cách một tôn giáo truyền thống gắn kết một cách tự nhiên với tín ngưỡng bản địa của hầu hết người Việt Nam, gồm cả tín đồ và không phải tín đồ Phật giáo, và cả tín đồ các tôn giáo khác. Đây là một thể mạnh đặc biệt của Phật giáo khi phát huy trách nhiệm tôn giáo với dân tộc Việt Nam.

TRÁCH NHIỆM DÂN TỘC CỦA PHẬT GIÁO VỚI TƯ CÁCH MỘT TÔN GIÁO TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

Việt Nam là một nước đa sắc tộc với không ít hơn ba tôn giáo chính, trong đó Phật giáo là một tôn giáo có ảnh hưởng lớn và lâu dài nhất. Tuy ngày nay Phật giáo không ở còn vị trí quốc giáo, song đã từng là quốc giáo và vẫn còn tư cách là một tôn giáo truyền thống thấm sâu trong bề dày dân tộc và của người Việt nên Phật giáo có lợi thế so với một số tôn giáo khác khi thể hiện trách nhiệm dân tộc của mình.

Người Việt Nam khi trở về với cội nguồn và bản sắc dân tộc rất dễ dàng chia sẻ và phát huy những yếu tố của Phật giáo đã tích hợp và trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc như: tính vị tha, khoan dung, từ bi, nhẫn nại; coi trọng nhân tâm, sự bình yên, thanh thản hơn danh vọng và vật chất; thân thiện với thiên nhiên; coi trọng sự sống của mọi sinh linh... Đây là những yếu tố nhân văn nổi trội đã được chắt lọc qua chiều dài lịch sử Phật giáo nói chung và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng, và chúng vẫn rất cần cho dân tộc ta trong thời đại hiện đại hôm nay.

Phật giáo có truyền thống yêu chuộng hòa bình và bằng trí tuệ chứ không phải bằng bạo lực để đấu tranh chiến thắng cái ác, vì Phật giáo coi cái ác, cái bất thiện là bắt nguồn từ "vô minh". Phật giáo luôn kêu gọi tu dưỡng tâm thiện và khẳng định "tâm Phật" sẵn có trong mỗi người, hãy tìm kiếm sự giác ngộ nơi chính mình. Đây là một cơ sở giáo lý để tất cả mọi người cầu thiện, cầu trí tuệ đều có thể chia sẻ, vượt qua sự khác biệt đẳng cấp, sắc tộc và tôn giáo của đời thường để cùng nhau hướng tới lợi ích chung cao hơn của dân tộc.

Con đường tu dưỡng của Phật giáo là tự giác, làm chủ và chịu trách nhiệm với chính mình. Trở lại với hay tìm lại sự thanh tịnh của chính mình cũng là một đường hướng để giúp con người, dù là Phật tử hay tín đồ của bất kỳ tôn giáo nào, có thể bình tĩnh và tỉnh táo tránh những cám dỗ của mặt trái của thương trường trong xã hội tiêu dùng... để giữ gìn sự lành mạnh của tâm thiện, cũng như trân trọng những giá trị đẹp của cá nhân, gia đình, cộng đồng và tổ quốc khi tham gia vào thương trường hiện nay.

Những thành tựu, cũng như các giá trị đẹp của Phật

giáo trong lịch sử văn hóa, nghệ thuật đã trở thành một phần của bản sắc dân tộc Việt Nam. Cái đó lớn hơn một tôn giáo, đủ để cho cả Phật tử và không phải Phật tử Việt Nam tự hào về chúng và giữ gìn chúng trong quá trình hội nhập của Việt Nam hôm nay.

Phật giáo còn là một điển hình phương Đông nếu so sánh với phương Tây như các khối văn hóa, văn minh. Việt Nam tiếp tục phát huy những giá trị tinh túy và cao đẹp của Phật giáo như là sự tự khẳng định cái riêng của một dân tộc phương Đông trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Dân tộc Việt Nam sẽ đẹp hơn, thiện hơn, bền vững hơn nếu Phật giáo Việt Nam tiếp tục đóng góp những mặt tích cực của mình cho lợi ích chung của dân tộc. Trong lịch sử, chính bằng cách đó mà Phật giáo Việt Nam đã từng thể hiện mình như một phần đích thực của dân tộc và những đóng góp của Phật giáo vẫn là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam cho đến ngày nay.

CHÚ THÍCH

1. Đức Phật tổ đã kế thừa và phát triển phương pháp tu tập và nhiều nội dung về Khổ và giải thoát của Bà La Môn giáo, nhưng người đã cách tân nội hàm khái niệm "người Bà La Môn" (Balamini). Đức Phật cho rằng Bà La Môn không phải là do xuất thân, mà do có đủ tư chất về trí tuệ, đạo đức và thể lực. Từ đó Phật mở rộng con đường tôn giáo cho nhiều đẳng cấp xã hội khác, và cho rằng tất cả mọi người đều bình đẳng về nỗi khổ và đều có khả năng đạt tới giải thoát chứ không chỉ đẳng cấp Bà La Môn. Theo Phật, con đường tới giải thoát là mỗi người phải tự đi và tự đến, đó là cuộc đấu tranh với chính bản ngã của mình để đạt tới vô ngã.

2. Vicent Arthur Smith. Asoka. The Buddhist Emperor of India. Low Price Publication. Delhi, 1990, tr. 182-185.

3. P.V. Bavat. 2500 năm Phật giáo. Người dịch: Nguyễn Đức Tư, Hữu Song, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2002, tr.86-71.

4. Vicent Arthur Smith. Asoka. The Buddhist Emperor of India. Low Price Publication. Delhi, 1990, tr. 182-185.

5. Dưới sự bảo trợ của vua Asoka, Đại hội kết tập kinh điển lần thứ 3 đã được tổ chức trọng thể với một nghìn tăng sĩ tham dự tại Pataliputra.

6. Tinh thần Phật giáo Lạc Việt rất rõ trong Lý Hoặc Luận. Trong các sử liệu về thời kỳ của Sỹ Nhiếp ở Lạc Việt (khoảng 168 - 169) cho thấy Phật giáo đã là một tôn giáo của người Việt, dân tộc Việt trong thời kỳ Bắc thuộc.

7. Nhà sư Ngô Chân Lưu (đời thứ tư của phái Vô Ngôn Thông) được Vua Đinh Tiên Hoàng phong chức Tăng Thống và Khuông Việt Đại Sư; Sư Đỗ Pháp Thuận (đời thứ mười của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi) được vua Lê Đại Hành tin dùng cả đối nội và đối ngoại,

8. Lý Công Uẩn, vị vua đầu tiên của triều Lý là học trò của sư Lý Khánh Vân, và là đệ tử thụ giáo của sư Vạn Hạnh. Thiến sư Vạn Hạnh được trọng dụng làm cố vấn cao nhất cho vua Lý Thái Tổ. Các sư Đa Bảo, Viên Thông tham gia chính sự của nhà Trần.

9. Vua Lý Thái Tông được tôn làm tổ thứ mười hai của phái Vô Ngôn Thông; Lý Thánh Tông được tôn làm tổ thứ hai của phái Thảo Đường; Trần Nhân Tông là tổ đầu tiên của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - một phái Thiền thuần túy Việt Nam.

10. Theo quan niệm của các nhà nho Tiên Tấn (Khổng Tử cho đến Tuân Tử) dùng các thuật ngữ "Vương đạo", "Bá đạo" để chỉ các tư tưởng chính trị và đạo đức. Vương đạo là phương pháp chính trị dựa trên đạo đức nhân từ, lễ nghĩa; Bá đạo thường chỉ phương pháp chính trị dùng mách khêu, bạo lực, chạy theo lợi ích vật chất trước mắt. Các môn đồ của Khổng Mạnh đề cao Vương đạo như con đường đúng đắn, bền vững mà các vị quân vương nên noi theo.

11. Tinh thần "cư trần lạc đạo" của Trần Nhân Tông là một điển hình "xuất", "xử" của một vị vua - Phật theo tinh thần Phật giáo vì dân tộc.